

Số: **1025** /SYT-NVD
V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
công tác đấu thầu mua thuốc tập
trung cấp địa phương từ
Quý 2 năm 2020

Bình Định, ngày **10** tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế Quy định chi tiết đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Thực hiện Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định V/v Giao nhiệm vụ đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, theo đó UBND tỉnh giao nhiệm vụ đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương cho Bệnh viện đa khoa tỉnh kể từ ngày 01/5/2019.

Nhằm triển khai thực hiện tốt công tác đấu thầu đối với các gói thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định từ Quý 2 năm 2020 đến hết Quý 1 năm 2022, Sở Y tế đề nghị các đơn vị thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Phòng Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế, các sở, ngành liên quan triển khai công tác đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương theo đúng quy định hiện hành và thực hiện theo quy trình hướng dẫn của Sở Y tế (*Quy trình triển khai thực hiện đấu thầu mua thuốc tập trung mua cấp địa phương tại Bệnh viện đa khoa tỉnh kèm theo*). Thời gian bắt đầu triển khai thực hiện công tác đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương kể từ ngày **01/5/2019**.

2. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các cơ sở y tế thuộc sở, ngành khác, các cơ sở y tế của Trung ương trên địa bàn và các cơ sở y tế ngoài công lập (*sau đây gọi chung là cơ sở y tế*) tham gia đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương có trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan theo yêu cầu của Sở Y tế và Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định để đảm bảo đủ thuốc phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh tại đơn vị mình (*lập nhu cầu sử dụng; cử viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp và có chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu tham gia Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, ...*)

3. Các văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng thuốc của cơ sở y tế gửi Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định để tổng hợp và đưa vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần phải thực hiện nghiêm túc, kèm theo đầy đủ các tài liệu sau:

a) Báo cáo tóm tắt việc thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu từ Quý 2 năm 2018 đến hết Quý 1 năm 2020 (tính đến thời điểm báo cáo); tình hình sử dụng thuốc của năm 2018 và giải trình tóm tắt dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc cho kỳ thầu mới theo phân tuyến kỹ thuật của đơn vị.

b) Các tài liệu làm căn cứ đăng ký nhu cầu:

- Đối với nguồn ngân sách nhà nước: Dự toán mua thuốc từ nguồn ngân sách nhà nước năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao. Trường hợp chưa được giao dự toán thì căn cứ vào thực tế mua thuốc, sử dụng thuốc từ nguồn ngân sách nhà

nước của năm trước liên kế và dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc trong năm để lập kế hoạch;

- Đối với nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán):

+ Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm kế hoạch đã ký giữa cơ sở y tế và cơ quan Bảo hiểm xã hội;

+ Báo cáo thực tế mua thuốc, sử dụng thuốc từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của năm 2018 và dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc trong năm kế hoạch theo phân tuyến kỹ thuật của cơ sở y tế.

- Đối với nguồn thu khác của đơn vị: Báo cáo thực tế mua thuốc, sử dụng thuốc từ nguồn thu khác của năm 2018 và dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc cho kỳ thầu mới theo phân tuyến kỹ thuật của cơ sở y tế.

c) Biên bản họp và ý kiến tư vấn của Hội đồng Thuốc và Điều trị của đơn vị về danh mục, số lượng thuốc, về nhu cầu sử dụng thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, việc ghi tên và hàm lượng thuốc trong gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, ghi nguồn gốc thuốc trong gói thầu dược liệu và vị thuốc cổ truyền (*Biên bản họp phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên và kèm theo tài liệu phân tích ABC, phân tích VEN theo đúng hướng dẫn Thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện*).

d) Bản cam kết do Giám đốc cơ sở y tế ký và đóng dấu với 02 nội dung:

+ Cam kết sử dụng ít nhất 80% số lượng thuốc trúng thầu được phân bổ theo Thỏa thuận khung (số lượng thuốc này do chính đơn vị đề nghị);

+ Cam kết đã xây dựng đủ nhu cầu đối với các thuốc thiết yếu, thuốc cấp cứu và những thuốc thường được sử dụng trong khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị.

Yêu cầu Giám đốc các cơ sở y tế triển khai thực hiện. Cơ sở y tế nào không thực hiện đầy đủ, đúng như hướng dẫn nêu trên, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định không tiến hành tổng hợp, trả văn bản về cho cơ sở y tế đó và Giám đốc cơ sở y tế chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để thiếu thuốc phục vụ cho nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở LĐTĐ&XH;
- Viện SR-KST-CT Quy Nhơn;
- BV Phong - Đa liễu TW Quy Hòa;
- BV Chỉnh hình - PHCN Quy Nhơn;
- BV Quân Y 13;
- BVĐK Hòa Bình và các PKĐK tư nhân;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VP, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Trương

QUY TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU THẦU MUA THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số **1025** /SYT-NVD ngày **10**/4/2019 của Sở Y tế Bình Định)

TT	NỘI DUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/ THAM CHIẾU(*)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	Ghi chú
I.	TỔNG HỢP NHU CẦU				
1.	Công văn đề nghị lập nhu cầu sử dụng thuốc		BVĐK tỉnh (Đơn vị thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung)	Sở Y tế, các cơ sở y tế tham gia đấu thầu tập trung cấp địa phương	Kèm theo Danh mục khung đã loại trừ các thuốc được đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Bộ Y tế và BHXH Việt Nam đã tổ chức đấu thầu.
2.	Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng thuốc từ các đơn vị		Các cơ sở y tế tham gia đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương (CSYT)	BVĐK tỉnh	Kèm theo trích Biên bản họp Hội đồng Thuốc và Điều trị và các tài liệu khác theo yêu cầu. Đảm bảo sử dụng tối thiểu 80% nhu cầu số lượng thuốc đã đề nghị.
3.	Tiến hành tổng hợp nhu cầu ban đầu (tên hoạt chất, số lượng theo từng gói thầu).		Tổ tổng hợp do BVĐK tỉnh thành lập	BVĐK tỉnh	Thành viên Tổ tổng hợp không có tên thành viên trong Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQ LCNT
4.	Tờ trình kèm theo Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương gửi Sở Y tế xem xét, thống nhất trước khi Sở Y tế trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương.	Thông tư 09/2016/TT-BYT	BVĐK tỉnh	Sở Y tế, BHXH tỉnh	Đối chiếu 03 quyết định của UBND tỉnh: 4871/QĐ-UBND, 27/12/2017; 1563/QĐ-UBND, 05/5/2017 và 89/QĐ-UBND, 13/01/2017 với các quy định hiện hành để kiểm tra, rà soát
5.	Quyết định phê duyệt Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương	Thông tư 09/2016/TT-BYT	UBND tỉnh	Sở Y tế	
II.	LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (KHLCNT)				
6.	Tham khảo, lập giá kế hoạch theo quy định	Khoản 2, Điều 6, Thông tư 11/2016/TT-BYT	Tổ tổng hợp do BVĐK tỉnh thành lập	Sở Y tế, BHXH tỉnh	Phương án lấy giá thực hiện theo Công văn: 2747/SYT-NVD, 06/12/2017 và 2942/SYT-NVD, 27/12/2017.
7.	Lập tờ trình đề nghị phê duyệt KHLCNT gửi UBND tỉnh (cấp có thẩm quyền) và Sở Y tế (Đơn vị tổ chức thẩm định)	Điều 7, Thông tư 11/2016/TT-BYT	BVĐK tỉnh	Sở Y tế	
8.	Thẩm định KHLCNT	Điểm b, Khoản 2, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT và Khoản 3, Điều 104, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQ LCNT	BVĐK tỉnh, Sở Y tế, BHXH tỉnh, Sở KH&ĐT và Sở Tài chính	Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQ LCNT do Sở Y tế thành lập. Không có tên trong thành viên của Bên mời thầu, Tổ xây dựng HSMT và Tổ chuyên gia



TT	NỘI DUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/ THAM CHIẾU(*)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	Ghi chú
9.	Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh	Điểm b, Khoản 2, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT và Khoản 3, Điều 104, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Sở Y tế	BVĐK tỉnh	Kèm theo Tờ trình của BVĐK tỉnh
10.	Quyết định phê duyệt KHLCNT	Điểm c, Khoản 2, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT và Khoản 3, Điều 104, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	UBND tỉnh	Sở Y tế, BVĐK tỉnh	
11.	Đăng tải KHLCNT trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu	Điểm a, khoản 1, Điều 8, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh		
III. CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
12.	Lập hồ sơ mời thầu (HSMT) một giai đoạn hai túi hồ sơ	Điều 18, 19 và 20 Thông tư 11/2016/TT-BYT	Tổ xây dựng HSMT do BVĐK tỉnh thành lập	Sở Y tế	Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn: 2942/SYT-NVD, 27/12/2017 và tham khảo Quyết định 3155/QĐ-SYT, 31/10/2018 của Sở Y tế
13.	Tờ trình kèm theo HSMT trình Sở Y tế xem xét, thẩm định và phê duyệt	Khoản 3, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT	BVĐK tỉnh		
14.	Thẩm định HSMT, Báo cáo thẩm định HSMT	Khoản 3, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT và Điều 105, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQLCNT		
15.	Quyết định phê duyệt HSMT	Khoản 3, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT	Giám đốc Sở Y tế		
IV. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
16.	Mời thầu	Điểm a, Khoản 2, Điều 21 và Điểm c, khoản 1, Điều 8, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh		Đăng tải Thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu
17.	Phát hành HSMT	Khoản 2, Điều 14 và Điểm b, khoản 2, Điều 21, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh		
18.	Sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có)	Khoản 2, Điều 14 và Điểm b, khoản 2, Điều 21, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh		
19.	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT	Khoản 3, Điều 14 và khoản 2, Điều 21, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh	Các nhà thầu mua HSMT	
20.	Biên bản đóng thầu	Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư 23/20015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh	Các nhà thầu nộp HSDT (nếu có)	
21.	Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (HSDXKT)	Điểm d, khoản 2, Điều 21 và Khoản 4, Điều 26, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Phụ lục 2B, ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh	Các Sở, Ngành liên quan; Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, ...	Mở theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu
V. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG					
22.	Đánh giá HSDXKT				
a)	Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT	Hồ sơ mời thầu và Điều 28, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Tổ chuyên gia do BVĐK tỉnh thành lập		Thành viên có sự tham gia của các đơn vị liên quan
b)	Đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT				
c)	Đánh giá về năng lực kinh nghiệm				

TT	NỘI DUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/ THAM CHIẾU(*)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	Ghi chú
d)	Đánh giá về kỹ thuật				
d)	Báo cáo đánh giá HSĐXKT (Phần I)	Hồ sơ mời thầu và Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT			
23.	Phê duyệt nhà thầu đạt kỹ thuật				
a)	Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSĐXKT	Mẫu số 3A, ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh		Kèm theo Báo cáo đánh giá HSĐXKT của Tổ chuyên gia
b)	Thẩm định, báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật	Hồ sơ mời thầu, Khoản 5, Điều 28 và Điều 106, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Mẫu số 6, kèm theo Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT	Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQLCNT		Không có tên trong thành viên của Bên mời thầu, Tổ xây dựng HSMT và Tổ chuyên gia
c)	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Khoản 5, Điều 28	Giám đốc Sở Y tế		
d)	Thông báo danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả nhà thầu tham dự, trong đó mời các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính.		BVĐK tỉnh	Tất cả các nhà thầu tham dự	
24.	Mở hồ sơ đề xuất về tài chính (HSĐXTC)	Khoản 4, Điều 21 và Điều 29, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Phụ lục 4, ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/BKHĐT	BVĐK tỉnh	Các Sở, Ngành liên quan; Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, ...	Mở theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu đối với các nhà thầu đạt kỹ thuật
25.	Đánh giá về HSĐXTC				
a)	Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXTC	Hồ sơ mời thầu, Điều 30 và Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	Tổ chuyên gia		
b)	Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXTC				
c)	Đánh giá chi tiết HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu				
d)	Báo cáo đánh giá HSĐXTC				
26.	Xếp hạng nhà thầu				
a)	Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu	Khoản 3, Điều 30 và Mẫu số 3A, ban hành kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh		Kèm theo Báo cáo đánh giá HSĐXTC của Tổ chuyên gia
b)	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu		Giám đốc Sở Y tế		
27.	Thương thảo hợp đồng				
a)	Thông báo các nhà thầu xếp hạng thứ nhất mời thương thảo	Khoản 1, Điều 31 Điều 19, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Phụ lục 6A, kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh		
b)	Thương thảo hợp đồng				
VI.	THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU				
28.	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQ LCNT	Điều 31, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Phụ lục 7, kèm theo Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	BVĐK tỉnh		
29.	Thẩm định KQ LCNT	Hồ sơ mời thầu, Điều 31, Điều 106, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Mẫu số 6, kèm theo Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT	Tổ thẩm định KHLCNT, HSMT, KQLCNT		

TT	NỘI DUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/ THAM CHIẾU(*)	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	Ghi chú
30.	Quyết định phê duyệt KQ LCNT	Hồ sơ mời thầu, Điều 31, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Giám đốc Sở Y tế		
31.	Thông báo KQ LCNT	Điều 31, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	BVĐK tỉnh		
32.	Đăng tải KQ LCNT trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu	Điểm d, Khoản 1, Điều 8, Luật Đấu thầu	BVĐK tỉnh		
VII.	HOÀN THIỆN, KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG				
33.	Công văn chấp thuận HSDT và trao hợp đồng (trong đó nói rõ thời gian ký kết Thỏa thuận khung)	Điều 70, Điều 72, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và theo hồ sơ mời thầu	BVĐK tỉnh	Nhà thầu trúng thầu	Có bảng phân bổ số lượng của từng cơ sở y tế tham gia đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương
34.	Ký kết Thỏa thuận khung				
VIII.	HOÀN THIỆN, KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU TRÚNG THẦU				
35.	Nhà thầu trúng thầu đã ký kết Thỏa thuận khung sẽ trực tiếp ký hợp đồng với các cơ sở y tế tham gia đấu thầu tập trung theo số lượng đã phân bổ của Thỏa thuận khung	Điểm h, Điều 70, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	CSYT và nhà thầu trúng thầu	Sở Y tế, BVĐK tỉnh	
36.	Cung ứng và sử dụng thuốc theo đúng hợp đồng đã ký kết	Chương IX, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	CSYT và nhà thầu trúng thầu	Sở Y tế, BVĐK tỉnh	
37.	Điều chuyển thuốc trúng thầu giữa các đơn vị trong quá trình cung ứng	Điểm a, Khoản 9, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT	BVĐK tỉnh	CSYT và nhà thầu trúng thầu	
38.	Báo cáo tình hình sử dụng thuốc trúng thầu theo số lượng phân bổ của Thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết với nhà thầu cho Sở Y tế và BVĐK tỉnh.	Điểm b, Khoản 9, Điều 33, Thông tư 11/2016/TT-BYT	CSYT	Sở Y tế, BVĐK tỉnh	
IX.	QUYẾT TOÁN, THANH LÝ HỢP ĐỒNG	Điều 94 – 99, Nghị định 63/2014/NĐ-CP	CSYT và nhà thầu trúng thầu	Kho bạc Nhà nước	

(*): Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

